

HAI NGÔI ĐÌNH CÓ NIÊN ĐẠI THỜI CẢNH TRỊ Ở GIA LÂM (HÀ NỘI) TRONG SỰ SO SÁNH VỚI CÁC NGÔI ĐÌNH Ở BẮC NINH

BÙI THẾ QUÂN*

Trên mảnh đất Gia Lâm, Hà Nội không có những ngôi đình làng từ thế kỷ XVI trở về trước, nhưng còn khá nhiều đình được dựng từ thế kỷ XVII. Trong đó phải kể đến đình Xuân Dục (xã Yên Thường), đình Công Đình (xã Đình Xuyên), đình Trần Tảo (xã Phú Thị) và nhiều đình khác nữa. Những ngôi đình này có tính chất hệ thống, với trang trí kiến trúc độc đáo. Đặc biệt, chúng còn phản ánh khá rõ nét bước phát triển của đình làng xứ Bắc. Trong bài viết này, chúng tôi xin được giới thiệu đình Trần Tảo (xã Phú Thị) và đình Công Đình (xã Đình Xuyên) trong sự so sánh về niên đại khởi dựng, quy mô kiến trúc, trang trí kiến trúc với những ngôi đình thuộc Bắc Ninh để làm sáng tỏ những vấn đề trên.

1. Đình Công Đình

Qua nghi môn dạng “tứ trụ lồng đèn” là một sân rộng, lát gạch Bát Tràng. Thực chất, sân rộng này được cải tạo cùng thời xây dựng nghi môn. Bằng vào hồi cổ của các già làng: phía trước đình là một ao lớn đã bị lấp và sau này mở rộng tạo đường đi và khu chợ làng.

Khởi đầu, ngôi đình được dựng theo kiểu chữ “Nhất”, mà niên đại chính xác còn ghi rõ trên 2 câu đầu gian giữa toà đại đình: “Tuế thứ Mậu Thân thập nhị nguyệt nhị thập lục nhật Dần thời thụ trụ thượng lượng đại cát hảo” (cất nóc giờ Dần ngày 26 tháng 12 năm Mậu Thân) và “Cảnh Trị lục niên thập nhị nguyệt nhị thập lục nhật...” (ngày 26 tháng 12

năm Cảnh Trị thứ 6, tức năm 1668). Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đình được bổ sung toà phượng đình phía trước và hậu cung. Về cơ bản, mặt bằng đình hiện nay có kết cấu hình chữ “Đình”, cùng phượng đình đã trở thành kiểu “trùng thiềm điệp ốc”. Đình quay hướng Nam, đây là hướng truyền thống của người Việt. Hướng này đã đề cao “ông vua tinh thần” của làng, như gợi ý rằng, “Thánh nhân Nam diện nhi tính thiên hạ” (Thánh quay về hướng Nam mà nghe lời tỏ bày của chúng dân) và cũng nhắc nhở cần khởi lòng thiện trên nền tảng trí tuệ, vì ở mặt nào đó, theo nhà Phật thì hướng Nam là hướng của Bát nhã, tức trí tuệ.

- Phượng đình được xây trên một nền cao 0,5 m so với mặt sân, với 2 tầng 8 mái dựng trên hệ thống 16 cột gỗ lim (đường kính cột cái 40 cm, đường kính các cột khác 35 cm), 4 cột vuông đỡ góc đao, xây bằng gạch chỉ dẹt (loại gạch này thường được sử dụng khoảng từ thời Tự Đức đến Khải Định). Đầu đao được trang trí dạng đầu rồng, đuôi cá chép. Bờ dãi, bờ nóc trang trí dải hoa chanh. Hai đầu kìm là hình tượng si vễn, phần tiếp giáp hai tầng mái có đắp “lưỡng long châu nguyệt”. Hệ thống vì kết cấu kiểu “giá chiêng chống rường”. Trang trí chủ yếu tập trung vào các cột và đầu dư, với hình tượng rồng và đề tài “tứ linh”. Phượng đình được đặt áp sát phía trước đại đình, đã làm che khuất kiến trúc nguyên sơ, khiến chúng ta phải đặt ra câu hỏi: phải chăng đây là một hiện tượng “chuyển chức năng” đình thành đền, tạo cho không gian của thần linh có vẻ huyền bí, không còn gần gũi với đời. Ở giữa

* Phòng Văn hóa Thông tin quận Long Biên

phương đình đặt lư hương lớn để bái vọng thần linh. Hiện tượng này cũng giống như ở đình Lê Mật (phường Việt Hưng, quận Long Biên) và khá phổ biến dưới thời Nguyễn. Với vị trí này, kiến trúc như mang tư cách của toà/lầu thông tam giới (trời, đất và thế gian).

- Đại đình với kiến trúc 3 gian 2 chái, với 6 hàng chân cột, dựng cao hơn sân 0,6 m, cấu trúc bộ khung kết cấu gỗ, các bộ vì nóc dạng "vì kèo trụ trốn", được bào trơn đóng bén, tất cả đều là ván xẻ, với hệ thống trụ trốn (một lớn hai nhỏ) có đòn tay kết nối. Bộ vì nóc là sản phẩm của một đợt tu bổ vào đầu thế kỷ XX. Nghệ thuật trang trí cổ truyền của đình chỉ còn ở các "đầu dư", "cánh gà" và đặc biệt ở bức cửa võng gian giữa. Đầu dư được thể hiện hình đầu rồng, tạo từ khúc gỗ tròn, tạc theo cách chạm lộng, bong, nổi với mũi hếch, miệng há ngậm viên ngọc, tóc và râu rồng tạo thành các đao bay, đao chính bay từ mắt rồng, chạy hết phần mang tới giáp thân cột cái. Phần "cánh gà" là bộ phận trang trí đặc biệt nhất trên kiến trúc đại đình. Hình thức tạo tác cũng chạm lộng, nổi, bong kênh 2 mặt trên một thân gỗ dẹt thể hiện toàn thân rồng. Đầu rồng quay vào gian giữa (0,9 m), phần đuôi ở gian bên (1,1 m), thân chui qua cột cái. Cả phần đầu và đuôi rồng dày đặc các đao mác, rồng để hở đuôi dưới dạng đuôi cá rất mập. Tóm lại, trang trí trên "đầu dư" và "cánh gà" đều là sản phẩm của nghệ thuật thế kỷ XVII.

Ở toà đại đình hiện còn 1 bức cửa võng và hai y môn, được trang trí tại 3 gian chính, nhưng chỉ có bức cửa võng cần phải quan tâm. Các phần diềm, khung trang trí xung quanh là sản phẩm của thời Nguyễn, phần giữa được tạc đề tài "lưỡng long châu hổ phù". Hổ phù có hình đầu rồng, miệng nhe nanh ngậm ngọc, mắt lồi, các đao chạy thẳng tắp chéo sang hai bên. So với hổ phù ở đình Đình Bảng (Tứ Sơn - Bắc Ninh) thì mặt hổ phù này đơn giản, nét tạo hình phóng khoáng và khoẻ mạnh hơn. Dưới hổ phù chia thành 4 ô khắc "Thánh cung vạn tuế", xung quanh chạm lộng các hoa dây, lá tạo thành dải... Theo cổ giáo sư Từ Chi thì đây là hình tượng "lưỡng long châu nguyệt", hổ phù chính là mặt trăng. Hình tượng này bắt nguồn từ huyền thoại "Khuấy biển sũa" để tìm bát thuốc trường sinh có gốc ở phương Nam (Ấn Độ), như gợi ý với thần rằng, hãy đem mưa thuận gió hoà để cho dân làng được mùa bội thu.

- Hậu cung là dãy nhà 3 gian chạy dọc, với kết cấu gỗ được bào trơn đóng bén. Đây là sản phẩm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, được làm cùng thời với nghi môn.

Tạm nghỉ, đình Công Đình khởi đầu được dựng dưới thời Cảnh Trị thứ 6 (1668). Bằng vào sự quan sát về kiến trúc và trang trí mỹ thuật thì từ khi khởi dựng cho đến đợt tu sửa lớn vào thời Nguyễn, ngôi đình tồn tại khá ổn định. Hiện nay, đình còn khuôn viên rộng, với những thành phần kiến trúc đủ để chúng ta nghiên cứu những giá trị văn hoá của ông cha trao truyền.

2. Đình Trần Tảo

Đình nằm phía Tây - Nam của làng, trên một thế đất cao thoáng, phía trước là cánh đồng rộng, trên cánh đồng còn dấu tích của dòng sông Cầu Giàng hay còn gọi là sông Nghĩa Giang (Nghĩa Trụ). Cách trước mặt đình khoảng 300 m là con đường liên xã từ Phú Thị vào Dương Quang. Các cụ trong làng cho biết, vốn phía trước nghi môn có ao nước (ao tự nhiên), đình được dựng trong không gian thoáng đãng, quay hướng Tây - Nam. Đây là hướng thường gặp ở các công trình kiến trúc cổ truyền. Với hướng Tây là hướng hợp âm dương, tạm có thể thấy: mặt Thánh là dương - nhìn về phía Tây là âm; lưng Thánh là âm, hướng Đông là dương; tay phải Thánh là dương, đặt về hướng Bắc là âm; tay trái Thánh là âm, đặt về hướng Nam là dương. Đó là biểu đạt cho âm dương "đối đãi" để sinh sôi phát triển. Hướng Nam là hướng của Bát nhã, tức trí tuệ. Có thể hiểu, đình quay hướng Tây - Nam như gợi ý với thần rằng, hãy vì dân mà tồn tại và như thế được nhân dân tôn thờ. Tuy nhiên, do biến đổi về dân cư, sự mở rộng địa giới trong những năm 60 - 70 của thế kỷ trước, đã tạo một con đường chạy tiếp giáp với nghi môn, rồi men theo ao phía bên trái vào làng.

- Nghi môn được làm vào những năm 90 của thế kỷ XX. Cũng do nhận thức truyền thống bị suy lạc nên từ phong cách tạo tác đến bố cục kết cấu không được "thuận mắt". Cũng với dạng "tứ trụ lồng đèn" nhưng các cột gầy guộc, thân cột cao lẳng khảng và đặc biệt biểu tượng "tứ phương" và nghệ được đặt nhầm chỗ. Theo truyền thống, nghi môn là cổng nghi thức, gắn với biểu tượng để cao thần linh. Hai trụ biểu chính giữa tạo thành cổng lớn để từ đó đi vào đại đình qua thần đạo. Đây là cổng của thần, do vậy thông thường không mở



Mặt trước đình Công Đình, Gia Lâm, Hà Nội - Ảnh: Tác giả

cửa, chỉ đến ngày hội mới mở để rước kiệu thần qua. Chính bởi vậy, đỉnh hai trụ biểu này, người ta đắp biểu tượng “tứ phương”, vì phương là linh vật biểu tượng của tầng trên/gắn với thánh thần. Hai trụ biểu bên có đắp hình tượng nghê. Đây là linh vật biểu trưng cho trí tuệ tầng trên, nhằm kiểm soát tâm hồn/tư cách của kẻ hành hương trước khi vào “cửa thánh”. Nhưng nay người ta đã đặt vị trí nghê vào chỗ phương và ngược lại.

- Về bố cục kiến trúc, cũng như ở các ngôi đình có niên đại thế kỷ XVII, đình Trần Tảo được dựng theo kiểu “chữ Nhất”, sau này vào thời Nguyễn đã cấy thêm 3 gian ống muống và 3 gian hậu cung, tạo mặt bằng của ngôi đình theo dạng chữ “Công”. Đình không có tả vu, hữu vu, nhưng hiện nay đã xây thêm dãy nhà chạy dọc hơi xéo ở phía trước, bên trái đại đình với 3 gian để làm nhà phụ. Giữa sân đình có dựng bia “hạ mã”. Phía bên phải lùi về đằng sau là ngôi chùa mới được dựng khoảng 20 năm do chùa cũ của làng bị đổ, đất đã bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Xa hơn ở phía phải là dãy nhà 5 gian, là nơi làm việc của hợp tác xã. Về cơ bản, bố cục truyền thống của ngôi đình đã không còn. Giá trị truyền thống chỉ còn tập trung ở toà đại đình.

Đại đình là kiến trúc chính của đình, với kết cấu 3 gian 2 chái, 4 hàng chân cột trên một diện tích 264m². Kết cấu vì nóc gian giữa kiểu vì “giá chiêm”, các bộ “vì gian” theo kiểu “chồng rường”. Những bộ vì nóc này cũng đã nhiều lần sửa chữa nên có nhiều con rường chấp vá. Hệ thống “cốn” phía trước và bẩy hiện được làm lại vào đợt tu sửa dưới thời Nguyễn, với những đề tài “tùng hoá long”, “cúc hoá long”, “bát vật”, được thể hiện qua hình thức chạm lõng, chạm nông, chạm bong kênh. Các “cốn” phía sau theo dạng thức chồng rường, trên đó chạm lõng, bong kênh với dày đặc các đề tài sinh hoạt dân gian, như “con đĩ đánh bông”, “thổi sáo”, “tiên cưới rồng”, với cánh tay dang rộng trong điệu múa vũ trụ trầm hùng, rồi hình tượng hổ đang cầm con rắn, thân rắn cuốn quanh thân hổ..., khiến chúng ta ngỡ như bắt gặp được một huyền thoại từ rất xưa đọng lại trong tiềm thức, rồi đột ngột thức tỉnh để hiện hình trong nghệ thuật chạm khắc của một thời mà yếu tố dân dã/gian được phục hồi (hình thức này chịu ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ, cũng được thể hiện rất thành công trong nghệ thuật Chăm Pa). Có thể, đây cũng là đề tài “long hổ hội”. Và, như vậy, đương

thời chắc chắn phải có sự vào cuộc của tầng lớp Nho sĩ. Đầu dư được chạm lõng dạng đầu rồng, với các đao mác chạy thẳng về phía sau, đây là những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, tỉ mỉ, chúng là những sản phẩm của nghệ thuật thế kỷ XVII. Bằng chứng nhất là trên câu đầu gian giữa còn lưu lại dòng lạc khoản ghi rõ niên đại khởi dựng “Tuế tại Lê triều Quý Mão niên thập nhị nguyệt Ất Sửu nhị thập nhị nhật Canh Thân thụ trụ thượng lương đại cát” (Cất nóc ngày 22 (ngày Canh Thân) tháng 12 (tháng Ất Sửu) năm Quý Mão triều Lê - 1663).

Đình Trần Tảo tuy đã có sự biến đổi nhiều về không gian và bố cục mặt bằng kiến trúc, nhưng ở đó vẫn còn nhiều mảng chạm có giá trị cao. Kiến trúc này cần được bảo tồn, để khi khách hành hương dừng chân tại đây sẽ tìm được vẻ đẹp của văn hóa truyền thống.

3. Sự so sánh với các ngôi đình khác thuộc Bắc Ninh

Trước năm 1961, huyện Gia Lâm thuộc Bắc Ninh. Theo đó, sự so sánh giữa các ngôi đình thuộc Gia Lâm, Long Biên (Hà Nội) với những ngôi đình thuộc Bắc Ninh hiện nay cũng chính là sự so sánh giữa các ngôi đình thuộc Bắc Ninh xưa, dù nhận thức này còn ít nhiều khiên cưỡng.

- Về niên đại khởi dựng

+ Đình Công Đình và đình Trần Tảo đều còn bảo tồn được trên câu đầu gian giữa mang niên đại khởi dựng tuyệt đối - đình Công Đình dựng năm Cảnh Trị thứ 6 (1668); đình Trần Tảo dựng năm Cảnh Trị thứ nhất, tức năm Quý Mão (1663). Đây là cơ sở quan trọng để xác định niên đại cho các ngôi đình khác có cùng phong cách nghệ thuật.

+ Từ niên đại của hai ngôi đình này thấy rằng, đây là một “bước đệm” quan trọng cho sự “nở rộ” của các ngôi đình vào thời Chính Hoà, mà theo nhà nghiên cứu Thái Bá Vân gọi là “đỉnh cao của nghệ thuật đình làng”. Nhà nghiên cứu Trần Mạnh Phú trong bài “Điều khắc thời Lê ở Hà Bắc”, in trong sách *Hà Bắc ngàn năm văn hiến*, tập 3, lại cho rằng: “Cho tới nay, niên đại 1686 là một niên đại sớm nhất của phong cách chạm khắc gỗ dân gian ở các đình làng Việt Nam cuối thế kỷ XVII”. Theo chúng tôi, nên đưa niên đại Cảnh Trị (1663 - 1671) xếp vào giai đoạn cuối thế kỷ XVII.

- Mối tương quan về quy mô kiến trúc

+ Khởi đầu đình Công Đình và đình Trần Tảo

đều được dựng theo kiểu “chữ Nhất”. Đến thời Nguyễn (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX) mới bổ sung các hạng mục khác, như phương đình, hậu cung, tả, hữu vu... và tương đồng về quy mô với các ngôi đình khác cùng thời. Như vậy, có thể tin rằng, khởi đầu những ngôi đình này là “ngôi nhà chung” của cộng đồng. Gian giữa thờ Thành hoàng, xung quanh để trống, không xây tường bao hoặc bít ván để những mảng trang trí được lộ diện rõ trong một không gian tâm linh sống động.

+ Các ngôi đình này được làm với 2 chái, có 4 góc đao cong, tạo cảm giác mềm mại và uyển chuyển. Khác với những ngôi đình được dựng mới, hay tu sửa, hoặc chuyển dạng thức (dưới thời Nguyễn) theo kiểu “tường hồi bít đốc”.

+ Phía trước đình bao giờ cũng có ao (tự nhiên) hoặc hồ bán nguyệt. Sau này bổ sung thêm tả, hữu vu, hậu cung để mặt bằng kiến trúc trông tựa hình tượng hổ phù đang “oẹ” mặt trắng ra. Qua đó, mặt nào đã cho thấy, “ngôi nhà chung” cộng đồng ít được chú trọng, mà ở mặt tâm linh như đã “chuyển chức năng” từ đình thành đền, nhiều nơi đình còn có cả cung ngoài và cung trong (như ở đình Thổ Khối, đình Lệ Mật thuộc quận Long Biên và nhiều ngôi đình khác trong vùng). Mặt khác, do yếu tố truyền thống ít nhiều đã bị suy lạc và trong hoàn cảnh nguồn nguyên liệu (gỗ lớn) tại chỗ bị hạn hẹp, nên không có điều kiện làm lớn với các góc đao cong. Ngoài ra, có thể do thành phần dân số tăng nên chủ nhân của kiến trúc không còn thuần nông nữa (Sự đóng góp nhiều khi của thành phần khác - thủ công nghiệp, thương mại...).

+ Tuỳ theo điều kiện kinh tế của từng địa phương, những ngôi đình này được làm 3 gian hoặc 5 gian 2 chái. Đây là số lượng gian khá phổ biến của các di tích cùng thời như đình Đáp Cầu, đình Diềm (Bắc Ninh), đình Thanh Am, đình Tinh Quang (Long Biên, Hà Nội)... Duy nhất trên đất Gia Lâm có đình Xuân Dục (xã Yên Thường) với kết cấu 7 gian 2 chái, 6 hàng chân cột. Đây là ngôi đình lớn nhất vùng của đương thời. Nhiều nhà nghiên cứu đưa ra những luận điểm chứng minh về điều kiện kinh tế của làng giàu có, dân số (tra đình) đông và đương thời có mối liên hệ với vùng sản nhiều gỗ lớn, lại có đường sông thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên liệu và ít nhiều còn gắn với thuyền bè buôn bán, với thương nhân. Đó là những điều



Chạm khắc dân gian trên “cốn” của đình Trần Tảo - Ảnh: Tác giả

kiện căn cốt cho sự ra đời của ngôi đình này.

+ Trong quá trình tồn tại, đình Công Đình và đình Trần Tảo đã được tu sửa nhiều lần, nên có các mảng chạm khắc trên kiến trúc đã bị thay thế. Nhiều nơi thay hẳn vì nóc theo kiểu thức “vì kèo trụ trốn”, bào trơn đóng bén, hoặc tất cả đều là kết cấu ván xẻ, kể cả trụ trốn (một lớn, hai nhỏ), có đòn tay kết nối, như ở đình Công Đình, đình Tinh Quang là ví dụ điển hình. Rồi hệ thống ván gió được thay bằng ván để trơn. Hầu hết không còn nhìn thấy hệ thống “cánh gà” ở đình, do giai đoạn sau này người ta đã đơn giản hoá trang trí, hoặc do điều kiện kinh tế suy giảm, hoặc do nhận thức về thẩm mỹ truyền thống bị suy giảm.

- Mối tương quan về trang trí kiến trúc

+ Đề tài trang trí trên các “cốn” đình Trần Tảo là cảnh sinh hoạt dân gian, như múa hát, hình tượng lân cầm rần, hổ... Đây là nét tương đồng về phong cách tạo tác trên đình Tinh Quang (Long Biên). Như vậy, có thể tạm nghĩ, đình Tinh Quang được làm cùng thời và là sản phẩm có niên đại vào nửa sau thế kỷ XVII (có thể sớm hơn đời Chính Hòa khoảng mười năm).

Nhìn chung, phong cách tạo tác trên kiến trúc

đình Trần Tảo và đình Công Đình là sự kế thừa những ngôi đình thuộc thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII, như đình Xuân Dục (Yên Thường), đình Phù Lưu (Từ Sơn, Bắc Ninh). Đó là “bước đệm” gần cho các ngôi đình làm dưới thời Chính Hoà. Với những vẻ đẹp trên trang trí kiến trúc, bằng tài nghệ của các hiệp thợ đương thời đã phản ánh khá rõ nét “bước đi” của ngôi đình làng. Như Nhà phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân trong cuốn *Tiếp xúc với nghệ thuật* (1997), Nxb. Bản đồ, Hà Nội, qua bài nghiên cứu “Điều khắc đình làng”. Ông nhận định về loại hình nghệ thuật này dưới góc độ văn hóa, là sự tiếp nối nền mỹ thuật truyền thống của dân tộc, có đủ mặt những đóng góp hàng dọc của nghệ thuật Lý, Trần, Mạc... Điều đó chứng tỏ sự phát triển liên tục của một dòng nghệ thuật dân tộc.

Qua giới thiệu về hai ngôi đình được xác định niên đại khởi dựng, trước hết không ngoài sự giới thiệu giá trị tự thân của nó. Xa hơn một chút là sự so sánh về tính tương đồng và khác biệt giữa các ngôi đình dựng trước và sau thời Cảnh Trị trong không gian của những ngôi đình thuộc Bắc Ninh xưa./

B.T.Q